

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172/2015/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 81/TTr-SNV ngày 14 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 309/2011/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.
2. Công dân Việt Nam, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất); Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP);
2. Đối với cá nhân khi tổng kết năm nếu đề nghị cấp tỉnh khen thưởng thì chỉ đề nghị Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.
3. Không thực hiện xét khen thưởng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật, đang thi hành kỷ luật;

b) Tổ chức kiêm nhiệm được thành lập trong một thời gian nhất định để tham mưu, tư vấn thực hiện nhiệm vụ;

c) Nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống;

d) Khi tiến hành sơ, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cấp nào phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua chuyên đề do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thành phố phát động có thời gian liên tục từ 03 (ba) năm trở lên và kế hoạch phát động thi đua phải được sự nhất trí của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thì khi tổng kết đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen.

5. Chỉ thực hiện xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi cơ quan, đơn vị đó hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc cơ quan, đơn vị được tặng cờ thi đua của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;

b) “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;

c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

d) “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

b) “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

c) “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;

d) “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;

đ) “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Cơ quan đạt chuẩn văn hóa);

e) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

g) “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (sau đây gọi chung là Khu dân cư văn hóa);

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 5. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

b) Danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 30 Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (sau đây gọi chung là Thông tư số 40/2014/TT-BCA).

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sỹ tiên tiến”, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 31 Thông tư số 40/2014/TT-BCA. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” là ngay sau khi đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và đạt tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV).

Điều 6. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 33 Thông tư số 40/2014/TT-BCA;

b) Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, gồm: Phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; phòng, ban và tương đương trực thuộc cấp huyện; phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc

cấp huyện; tổ chức ở xã, phường, thị trấn; xí nghiệp, nhà máy, phòng, phân xưởng, tổ, đội sản xuất và tương đương thuộc đơn vị sản xuất kinh doanh.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất đối với danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 Thông tư số 40/2014/TT-BCA đối với danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”;

b) Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” thực hiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV;

c) Tỷ lệ danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” của mỗi cơ quan, đơn vị, không quá 30% tổng số phòng, ban, đơn vị.

3. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương (sau đây gọi chung là Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL);

b) Danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hoá” được xét tặng hàng năm cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL);

c) Danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” được xét tặng hàng năm cho các xã theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (sau đây gọi chung là Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL);

d) Danh hiệu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng hàng năm cho các phường, thị trấn theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (sau đây gọi chung là Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng như sau:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm hoặc chuyên đề cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất;

b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua cấp tỉnh đạt hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; tập thể dẫn đầu các cấp học của huyện, thành phố, của Sở Giáo dục và Đào tạo; xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua của huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị (có con dấu riêng) trực thuộc các đơn vị là thành viên cụm, khối thi đua cấp tỉnh; tập thể tiêu biểu nhất phong trào thi đua theo chuyên đề;

c) Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được các khối, cụm thi đua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của huyện, thành phố, sở, ngành cấp tỉnh bình xét, chấm điểm, suy tôn và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt đề nghị UBND tỉnh tặng thưởng.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét, đề nghị tặng như sau:

a) Cờ thi đua của Chính phủ được xét, đề nghị tặng hàng năm hoặc chuyên đề cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

b) Cờ thi đua của Chính phủ được xét chọn trong số những tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất đã được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III **HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

Điều 7. Giấy khen

Giấy khen được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất. Giấy khen tặng cho gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 8. Bằng khen

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng vào đợt tổng kết năm, đợt xuất, chuyên đề hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng vào đợt tổng kết công tác năm như sau:

a) Mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: Lựa chọn không quá 25% tổng số đơn vị trực thuộc và không quá 7% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị;

b) Mỗi huyện, thành phố: Lựa chọn không quá 08 tập thể và 12 cá nhân.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: Khi tổng kết năm học, lựa chọn không quá 10 tập thể và 12 cá nhân đối với các trường trung học phổ thông, phổ thông Dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề; không quá 02 tập thể và 03 cá nhân đối với mỗi cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc huyện, thành phố.

d) Các khối thi đua khác của tỉnh ngoài các cơ quan, đơn vị quy định ở điểm a, b, c Khoản 3 Điều này: Giao cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn cụ thể hàng năm.

Điều 9. Các hình thức khen thưởng khác

Việc xét, đề nghị tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 10. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; điểm a, Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL; Điều 3 Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL; Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL; điểm b, c khoản 3 Điều 49 Thông tư số 40/2014/TT-BCA.

Điều 11. Thẩm quyền trao tặng khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức trao tặng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không tổ chức lễ trao tặng. Việc tổ chức trao tặng bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với tình hình của đơn vị và có ý nghĩa giáo dục, tuyên truyền nêu gương học tập.

2. Nghi thức công bố, trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 12. Quy định về thủ tục trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP) và Khoản 1, 2, 4 Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng tại địa phương có đủ điều kiện khen thưởng theo quy định thì Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen.

3. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

5. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đúng quy định.

Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập. Căn cứ tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị bố trí số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; các thành viên khác là người đứng đầu các tổ chức đảng, đoàn thể và một số lĩnh vực chuyên môn trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với danh hiệu: “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; 70% trở lên (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) đối với các trường hợp đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng và Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; trên 50%, (tính trên tổng số thành viên Hội đồng) khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng còn lại.

Điều 14. Hội đồng khoa học, sáng kiến

Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến được thành lập ở các cơ quan, đơn vị để giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu

“Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

Điều 15. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng).

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thẩm định hồ sơ khen thưởng, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hồ sơ đủ điều kiện.

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khen thưởng.

2. Hồ sơ: 01 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, riêng về thời gian báo cáo thành tích quy định đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP);

c) Biên bản của khối, cụm thi đua cấp trình khen hoặc biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen;

d) Ý kiến xác nhận của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến của tỉnh. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản photo và mang kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh).

Điều 16. Trình tự, hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có tờ trình (kèm theo hồ sơ) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng);

b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình và hồ sơ đề nghị của Sở Nội vụ (trừ trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Hồ sơ: 02 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng; 03 bộ hồ sơ đối với trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP

Điều 17. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và Giấy khen

1. Trình tự xét tặng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp họp xét khen thưởng, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng tổng hợp trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương mình quyết định khen thưởng đảm bảo theo quy định.

2. Hồ sơ: 01 bộ, thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Ý kiến xác nhận của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận hoặc bản photo và mang kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở).

Điều 18. Đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Những trường hợp đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng hợp nhất được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 và Khoản 1 Điều 17 của Quy định này.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 2 Điều 16 và Khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 19. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

1. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL.

2. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL.

3. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL.

4. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL.

Điều 20. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Thông báo kết quả khen thưởng

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết. Đối với tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn được khen thưởng, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc (kể từ khi cấp có thẩm quyền quyết định), cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng được biết.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 21. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích

lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

Điều 22. Cách tính và mức thưởng

1. Cách tính và mức thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Mức thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:

a) Cờ hạng nhất thưởng 15,5 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Cờ hạng nhì thưởng bằng 50% mức thưởng của cờ hạng nhất;

c) Cờ hạng ba; cờ tặng cho các cấp học; cờ tặng cho xã, phường, thị trấn; cờ tặng cho cơ quan, đơn vị (có con dấu riêng) trực thuộc các đơn vị là thành viên cụm, khôi thi đua cấp tỉnh thưởng bằng 30% mức thưởng của cờ hạng nhất.

3. Đối với danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Lựa chọn không quá 10% “Gia đình văn hóa” tiêu biểu trong tổng số các gia đình được tặng giấy công nhận để thưởng tiền bằng 0,1 lần mức lương tối thiểu chung.

4. Đối với danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”

Lựa chọn không quá 10% “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” tiêu biểu trong tổng số các “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” được tặng giấy công nhận để thưởng tiền bằng 0,8 lần mức lương tối thiểu chung đối với công nhận lần đầu và 2,0 lần mức lương tối thiểu chung đối với công nhận lại.

5. Đối với danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

Lựa chọn đơn vị tiêu biểu được tặng giấy công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” kèm theo tiền thưởng bằng 0,8 lần mức lương tối thiểu chung đối với công nhận lần đầu và 2,0 lần mức lương tối thiểu chung đối với công nhận lại.

Điều 23. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 4, Điều 5 Thông tư 71/2011/TT-BTC và Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh giao Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng. Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện do Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý, sử dụng. Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

4. Tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

5. Khen thưởng các chương trình, mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không quy định trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, mục tiêu đó.

Ủy ban nhân dân tỉnh trích Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng cho tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào thi đua, phong trào quần chúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này. Sở Nội vụ giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ quy định này xây dựng quy định công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với cơ quan, địa phương mình.

3. Đề nghị Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, lực lượng vũ trang, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh